

Số: 869/BCA-V03

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định
của Bộ Tư pháp về Hồ sơ dự thảo Luật
Căn cước công dân (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 29/BCTĐ-BTP ngày 22/3/2023 về Hồ sơ dự án Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

I. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc bổ sung phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật đối với hai vấn đề là căn cước công dân điện tử và người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch; việc bổ sung đối tượng người gốc Việt Nam vào dự thảo Luật là chưa đảm bảo thống nhất giữa nội dung và tên gọi của Luật.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Luật Căn cước công dân năm 2014 mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ Căn cước công dân mà chưa có quy định về tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân trên môi trường điện tử. Quy định của pháp luật về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật (như Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử...); trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân.

Thực tiễn hiện nay, Bộ Công an cũng đang triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho người dân theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP; chỉ có tài khoản do hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an tạo lập cho người dân Việt Nam mới là tài khoản định danh điện tử. Đồng thời, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử của người dân là tương đương với thẻ căn cước công dân; các tài khoản khác

do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập thì không phải là tài khoản định danh điện tử và không có giá trị sử dụng tương đương với thẻ căn cước công dân.

Trong quá trình xây dựng Luật này, Bộ Công an đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thấy rằng Luật Quốc tịch, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có quy định về người nước ngoài và công dân Việt Nam; trong đó, tập trung quy định về việc công nhận, xác định quốc tịch, quản lý cư trú (cấp thẻ thường trú, tạm trú...). Tuy nhiên, các luật này đều không điều chỉnh, quy định về quản lý căn cước đối với người gốc Việt Nam. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy tại nước ta có một bộ phận không nhỏ người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến lịch sử, chiến tranh, di cư... mà họ và các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương đều không có thông tin hoặc bất cứ giấy tờ nào chứng minh về nhân thân, lai lịch (*những người này đều không đủ điều kiện được cấp thẻ thường trú, tạm trú theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; không thể thực hiện khám chữa bệnh, ký hợp đồng lao động, nhập học hoặc tham gia giao dịch dân sự cần chứng minh thông tin nhân thân...*) nên để giải quyết tình trạng này, quy định quản lý căn cước đối với người gốc Việt Nam tại dự án Luật là cần thiết và phù hợp; nội dung này không trái với quy định của Luật Quốc tịch và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Chính phủ cũng đã thống nhất thông qua 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; trong đó, bao gồm cả chính sách về việc cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam, bổ sung quy định về căn cước công dân điện tử (tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam) trong Luật Căn cước công dân (sửa đổi). Do vậy, việc quy định, cụ thể hoá các chính sách nêu trên trong dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) là phù hợp. Đồng thời, Bộ Công an đề xuất Chính phủ cho điều chỉnh tên gọi của dự án luật là Luật Căn cước để bảo đảm tính bao quát, phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của luật.

II. Về sự phù hợp của nội dung dự án luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

(1) Qua rà soát, dự thảo Luật vẫn chưa cụ thể hóa được Chính sách 4 về hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (dự thảo Luật vẫn giao Chính phủ, Bộ Công an quy định việc thu thập, cập nhật, kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (khoản 6 Điều 10), Cơ sở dữ liệu căn cước (khoản 3 Điều 18)). Do đó, đề nghị quy định cụ thể quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước tại dự thảo Luật.

(2) Một số nội dung của Luật chưa thực hiện đánh giá tác động trong quá trình lập Đề nghị xây dựng Luật như: Việc đổi tên “Cơ sở dữ liệu căn cước công dân” thành “Cơ sở dữ liệu căn cước”; chuyển “người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam” thành người người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch và con, cháu của đối tượng này; thay đổi khái niệm về căn cước công dân. Do đó, đề nghị đánh giá bổ sung tác động của vấn đề này đến quyền con người, quyền công dân (quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân).

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

(1) Đề cụ thể hoá chính sách số 04 liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, dự thảo Luật đã bổ sung, hoàn thiện nhiều quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước, cụ thể là:

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về thu thập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 11).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Điều 12).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 17).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, chia sẻ, cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 18).

Bên cạnh đó, đối với một số nội dung cụ thể khác liên quan đến thủ tục hành chính, quy trình kỹ thuật trong kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì dự thảo Luật giao Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết là phù hợp, bảo đảm tính ổn định của Luật.

(2) Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật, Bộ Công an đã đánh giá tác động và đề xuất việc điều chỉnh tên gọi từ Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thành Cơ sở dữ liệu căn cước (tại Trang 15 Báo cáo đánh giá tác động số 1931/BC-BCA này 30/11/2022). Đồng thời, việc chỉnh lý khái niệm về căn cước công dân theo dự thảo Luật so với Luật Căn cước công dân hiện hành là để bảo đảm phù hợp với chính sách thực hiện tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân và bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đã được Chính phủ thông qua; trong đó, chủ yếu thì căn cước vẫn bao gồm thông tin về lai lịch và nhân dạng của người dân.

Việc chỉnh lý “người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam” thành “người người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch” để bảo đảm sát với tình trạng thực tế

của những người này (đây đều là những người mà cơ quan nhà nước không có thông tin, dữ liệu về nhân thân và họ cũng không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh về nhân thân, lai lịch) và không thay đổi về bản chất trong việc xác định địa vị pháp lý của họ. Mặt khác, việc công nhận họ là người chưa xác định được quốc tịch còn mang ý nghĩa nhân văn, không phân biệt, coi họ hoàn toàn giống như với những người không quốc tịch hoặc nước ngoài khác đang sinh sống tại Việt Nam.

III. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

(1) Đề nghị rà soát, đánh giá kỹ để bảo đảm tính hợp hiến của các quy định tại dự thảo Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; trong đó, đề nghị lưu ý một số vấn đề cụ thể sau:

- Khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật quy định *người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi thông qua người đại diện hợp pháp của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều này*; khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật quy định *người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi thông qua người đại diện hợp pháp của mình* là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng người mất năng lực hành vi dân sự và người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cho phù hợp với quy định tại Điều 22, 23 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 6 Điều 11 dự thảo Luật quy định về *người thừa kế... người giám hộ được khai thác thông tin của công dân đó*; tuy nhiên, quy định này là chưa chính xác. Vì Điều 609 Bộ luật Dân sự quy định về quyền thừa kế, theo đó, chế định về thừa kế chỉ được áp dụng nếu coi dữ liệu là tài sản nhưng hiện nay chưa có quy định nào xác định dữ liệu công dân là tài sản. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Dân sự thì việc giám hộ chấm dứt trong trường hợp người được giám hộ chết. Do đó, việc cho phép người giám hộ được khai thác thông tin của người được giám hộ trong trường hợp này là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật quy định về việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân (thẻ căn cước công dân) đối với thông tin về giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định, theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật Dân sự thì việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, *trừ trường hợp luật có quy định khác*. Bên cạnh đó, hiện nay, Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội đồng ý ban hành, hiện nay, Chính phủ đang chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi ban hành) trong đó quy định một trong những nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân là *dữ liệu cá nhân chỉ được*

xử lý đúng với mục đích đã được Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba đăng ký, tuyên bố về xử lý dữ liệu cá nhân (khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định). Trường hợp cần phải quy định nội dung này tại dự thảo Luật, đề nghị rà soát và chỉnh lý theo hướng hoặc quy định cụ thể các giấy tờ khác được tích hợp vào thẻ căn cước công dân tại Luật này hoặc quy định tích hợp các thông tin trong các giấy tờ khác theo quy định của Luật.

(2) Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) đã được Chính phủ trình Quốc hội, tại dự thảo Luật Giao dịch điện tử quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, trong đó gồm các nội dung như: Kết nối, chia sẻ dữ liệu; tạo lập, thu thập dữ liệu; quản lý cơ sở dữ liệu... có liên quan đến các quy định tại dự thảo Luật Căn cước công dân. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, để đảm bảo thống nhất trong cách quy định giữa dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) với Luật Giao dịch điện tử.

(3) Điểm b khoản 1 Điều 5 quy định *yêu cầu cơ quan quản lý căn cước cập nhật, chỉnh sửa thông tin khi thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước hoặc thẻ căn cước công dân chưa có, chưa chính xác hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật*. Quy định này chưa thống nhất với các quy định tại luật khác; theo đó, việc cập nhật, chỉnh sửa thông tin của người dân là do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện tại các cơ sở dữ liệu gốc như: Thủ tục liên quan đến quốc tịch tại chương III Luật Quốc tịch năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thủ tục liên quan đến hộ tịch tại Chương II Luật Hộ tịch; thủ tục liên quan đến cấp, đổi giấy phép lái xe tại Luật Giao thông đường bộ... Do đó, đề nghị chỉnh lý lại cho phù hợp.

(4) Khoản 2 Điều 21 quy định *thẻ căn cước công dân được sử dụng thay cho việc sử dụng hộ chiếu*. Tuy nhiên, Điều 25, 26 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 đã quy định rõ về mục đích của việc sử dụng hộ chiếu; đồng thời Điều 6 Luật này cũng chỉ quy định giấy tờ xuất nhập cảnh là hộ chiếu và giấy thông hành. Vì vậy, quy định tại dự thảo Luật là chưa phù hợp với các quy định nêu trên của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

(5) Điều 39 quy định về phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân. Tuy nhiên, Luật Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể các loại phí, lệ phí, các trường hợp miễn giảm... Do đó, đề nghị bỏ quy định này tại dự thảo Luật.

(6) Khoản 2 Điều 45 quy định *thay thế cụm từ “kinh doanh dịch vụ định danh và xác thực điện tử” tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm 2020 bằng cụm từ “kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử”*. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, hoạt động định danh điện tử trực tiếp liên quan đến dữ liệu cá

nhân, ảnh hưởng đến quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Vì vậy, cần phải có quy định pháp luật để điều chỉnh đối với việc cung cấp dịch vụ định danh điện tử trong thực hiện các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại; đối với định danh điện tử trong hoạt động giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước (giữa cơ quan nhà nước với cơ quan nhà nước, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nội bộ của cơ quan nhà nước) thì sẽ thống nhất thực hiện theo tài khoản định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập và quản lý.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

(1) Thực hiện việc xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã rà soát và có Báo cáo rà soát số 372/BC-BCA ngày 20/3/2022 về các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Căn cước công dân (sửa đổi); trong đó, xác định rõ các văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với dự án Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã tiếp tục rà soát và chỉnh lý dự thảo Luật cho phù hợp với các Luật có liên quan, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, đã tiếp thu, chỉnh lý khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật cho phù hợp với Điều 22, 23 Bộ luật Dân sự.

Về quy định tại khoản 6 Điều 11 liên quan đến quyền được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của người thừa kế: Dự thảo Luật không quy định việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế đối với thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Qua thực tiễn triển khai thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 cho thấy, việc người thân của người đã mất có nhu cầu và nguyện vọng được khai thác thông tin của người dân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ việc xác nhận thông tin lý lịch, chia di sản thừa kế... nên để giải quyết vướng mắc nêu trên, Bộ Công an đã bổ sung quy định đối với “*Trường hợp người dân là người chưa thành niên, bị chết, bị mất tích hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người thừa kế của người đã chết và cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên, người bị mất tích hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được khai thác thông tin của người dân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*”. Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tài sản quốc gia, không phải là tài sản của cá nhân. Dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) chỉ quy định về quyền được khai thác thông tin của người dân và cơ quan, tổ chức có liên quan trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Do vậy, quy định nêu trên không trái với quy định của Bộ luật Dân sự về tài sản và quyền thừa kế nên đề nghị giữ nguyên tại dự thảo Luật để bảo đảm quyền lợi của người thân trong gia đình.

Dự thảo Luật quy định người dân được lựa chọn các thông tin có tính ổn định, đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp gồm: Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe,

giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định (không tích hợp thông tin trên giấy tờ do Bộ Quốc phòng cấp). Hiện nay, việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân phải tiến hành từng bước, tùy thuộc vào sự phát triển của hạ tầng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Trước mắt, Chính phủ đã triển khai việc tích hợp thẻ bảo hiểm y tế vào thẻ căn cước công dân, sắp tới sẽ từng bước tích hợp các loại giấy tờ khác. Do vậy, việc giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tích hợp các giấy tờ khác vào thẻ căn cước công dân là quy định phù hợp, bảo đảm sự linh động, đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06; việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân sẽ tạo thuận lợi hơn cho người dân trong giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính theo nhu cầu của mình.

(2) Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã rà soát dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) và thấy rằng dự thảo Luật này và dự thảo Luật Giao dịch điện tử không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo; việc quy định rõ các cách thức khai thác, kết nối, chia sẻ và thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước trong dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) là được kế thừa từ Luật Căn cước công dân hiện hành và bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của Đề án 06, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi triển khai thi hành.

(3) Thông tin liên quan đến người dân có trong nhiều giấy tờ, cơ sở dữ liệu khác nhau; do vậy, để bảo đảm việc thu thập, cập nhật thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được chặt chẽ, chính xác, Bộ Công an đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) theo hướng quy định rõ nguyên tắc thực hiện thu thập, cập nhật thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại Điều 11 và Điều 12 như sau:

Trường hợp thông tin, tài liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa có hoặc chưa đầy đủ thì được thu thập, cập nhật từ người dân. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan và người dân để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin do người dân cung cấp trước khi thu thập, cập nhật để bảo đảm tính chính xác, thống nhất.

Trường hợp thông tin về người dân trong các cơ sở dữ liệu khác hoặc giấy tờ đã cấp không thống nhất với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan hoặc người dân để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin đó và cập nhật, điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác hoặc giấy tờ khác cho chính xác, thống nhất.

Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là căn cứ để cơ quan, tổ chức kiểm tra, thống nhất thông tin về người dân.

(4) Tại khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật quy định “thẻ căn cước công dân được sử dụng thay cho việc sử dụng hộ chiếu trong trường hợp Việt Nam và

nước ngoài ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép người dân nước ký kết được sử dụng thẻ căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau”. Quy định này được kế thừa từ Luật Căn cước công dân năm 2014 và không trái quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; do vậy, đề nghị giữ nguyên tại dự thảo Luật. Thực tế hiện nay các nước khối Châu Âu cũng đang sử dụng thẻ căn cước công dân của nước mình khi đi lại trong khối, Việt Nam và Singapore cũng đang đàm phán để ký kết thỏa thuận về việc sử dụng thẻ căn cước công dân khi đi lại giữa 02 nước.

(5) Quy định về phí và lệ phí liên quan đến khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân là quy định được kế thừa theo Luật Căn cước công dân năm 2014, đang được áp dụng thống nhất, không có khó khăn, vướng mắc; dự thảo Luật chỉ quy định về trường hợp phải nộp và không phải nộp phí liên quan đến khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân. Trên cơ sở quy định tại Luật Căn cước công dân và Luật Phí và lệ phí thì cấp có thẩm quyền sẽ ban hành quy định chi tiết về mức thu, chế độ thu, trường hợp được miễn, giảm phí... Do vậy, đề nghị giữ nguyên nội dung này tại dự thảo Luật.

(6) Về điều khoản thi hành, dự thảo Luật đã bổ sung theo hướng khi Luật này có hiệu lực sẽ thay thế Luật Căn cước công dân năm 2014; đồng thời, thay thế cụm từ “kinh doanh dịch vụ định danh và xác thực điện tử” tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm 2020 bằng cụm từ “kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử” cho phù hợp với mô hình định danh và xác thực điện tử ở nước ta đã được Chính phủ thống nhất quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP. Do vậy, đề nghị giữ nguyên nội dung này tại dự thảo Luật.

IV. Về tính tương thích của nội dung dự án Luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Nội dung tại dự thảo Luật còn chưa phù hợp với nhiều điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam là thành viên như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (Công ước ICCPR) (Điều 16, 17; Bình luận chung số 16); các hướng dẫn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) liên quan đến biểu mẫu hộ chiếu (Hướng dẫn số 9303); Công ước Giao thông đường bộ năm 1968 (Điều 41; Phụ lục 6).

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Bộ Công an đã rà soát dự thảo Luật và thấy rằng dự thảo Luật là phù hợp với điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam là thành viên như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (Công ước ICCPR) (Điều 16, 17; Bình luận chung số 16); các hướng dẫn của Tổ chức hàng

không dân dụng quốc tế (ICAO) liên quan đến biểu mẫu hộ chiếu (Hướng dẫn số 9303); Công ước Giao thông đường bộ năm 1968 (Điều 41; Phụ lục 6).

Thẻ căn cước công dân được sử dụng tương đương hộ chiếu khi Việt Nam ký kết điều ước với nước ngoài thỏa thuận về việc này (như điều ước quốc tế song phương). Khi đó, thẻ căn cước công dân được sử dụng như 01 loại giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế tương đương với hộ chiếu như nhiều loại giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế khác hiện nay (như giấy thông hành...). Trong khi đó, Hướng dẫn số 9303 của ICAO chỉ quy định về thông tin, dữ liệu cần có trên hộ chiếu; không quy định đối với các loại giấy tờ khác. Do vậy, quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Căn cước công dân là phù hợp với thực tiễn.

Việc tích hợp thông tin về giấy phép lái xe sẽ bao gồm đủ các thông tin trên giấy phép lái xe mà người dân được cấp và được Bộ Công an xác thực với thông tin trong cơ sở dữ liệu do Bộ Giao thông vận tải quản lý, hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật quốc tế.

V. Sự phù hợp của dự thảo Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Một số chỉ đạo của Đảng, Nhà nước chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích một cách kỹ lưỡng về sự phù hợp với các chủ trương này, ví dụ như:

- Việc bổ sung phạm vi điều chỉnh; quy định về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân; bổ sung thông tin lưu trữ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi: Kết luận số 19-KL/TW xác định những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật; những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết, nhưng là vấn đề mới, chưa đạt đồng thuận cao thì có thể quy định thực hiện thí điểm (mục 2); Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới cũng xác định những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện; những vấn đề chưa rõ, còn nhiều ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, thực hiện thí điểm khi cơ quan có thẩm quyền cho phép... (mục II.5).

- Việc bổ sung quy định về Trung tâm dữ liệu quốc gia: Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; trường hợp cần thiết thì phải có quy trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ để Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có cơ sở xem xét, quyết định (khoản 1 Điều 2).

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

- Việc triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho người dân là yêu cầu cấp bách trong triển khai chuyển đổi số ở nước ta theo mục tiêu Đề án 06 đã đề ra. Bộ Công an đã triển khai thực hiện việc cấp tài khoản định danh điện tử cho người dân từ ngày 09/11/2021 theo Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và hiện nay là Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử. Đến nay, Bộ Công an đã tiếp nhận được hồ sơ đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử của gần 23 triệu người dân và đã triển khai cấp được 21 triệu tài khoản định danh điện tử; các tài khoản này đang được người dân sử dụng thường xuyên, hiệu quả trên ứng dụng VNeID và cổng dịch vụ công quốc gia. Bộ Công an dự kiến trong năm 2023 sẽ có 40 triệu người dân đăng ký và cấp tài khoản định danh điện tử. Do vậy, theo nội dung giải trình tại Mục I nêu trên, việc luật hóa đề nâng cao giá trị pháp lý của tài khoản định danh điện tử (căn cước công dân điện tử) tại thời điểm hiện nay là phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Đảng theo Kết luận số 19-KL/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Dự thảo Luật chỉ quy định một số nội dung liên quan đến yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và mối quan hệ trong kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm dữ liệu quốc gia; không quy định về tổ chức bộ máy, biên chế; do vậy, phù hợp với Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017.

VI. Sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Đề nghị một số thủ tục hành chính cần được nghiên cứu chỉnh lý như sau:

- Quy định về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân (Điều 23): Để đảm bảo quyền lựa chọn cho cá nhân trong việc sử dụng các loại giấy tờ (thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác theo quy định) và thẻ căn cước công dân được tích hợp thông tin các loại giấy tờ nêu trên khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính hoặc các giao dịch dân sự khác. Mặt khác cũng giảm thiểu tác động tiêu cực đối với hệ thống pháp luật, đề nghị bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 23 là việc tích hợp các giấy tờ vào thẻ căn cước công dân không làm mất hiệu lực của giấy tờ được tích hợp do phải sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ cũng như tránh xáo trộn trong việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến các loại giấy tờ này.

- Thủ tục tạm giữ thẻ căn cước (Điều 30): Khoản 3 Điều 30 quy định trong thời gian bị tạm giữ thẻ căn cước công dân, người dân được cơ quan tạm giữ thẻ căn cước công dân cho phép sử dụng thẻ căn cước công dân của mình để

thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật. Việc cho phép người dân sử dụng thẻ căn cước công dân trong trường hợp này sẽ được thực hiện theo trình tự, thủ tục nào thì dự án Luật chưa quy định rõ. Do đó, đề nghị quy định tại dự thảo Luật hoặc giao cho Chính phủ quy định chi tiết để thủ tục hành chính đầy đủ các bộ phận cấu thành theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận căn cước (Điều 39): Dự thảo Luật bổ sung thủ tục cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam; tuy nhiên, chỉ mới quy định về lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân (Điều 39), mà chưa có quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận căn cước. Do đó, đề nghị bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận căn cước, kể cả trường hợp người gốc Việt Nam không phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận căn cước thì cũng cần được quy định rõ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

- Tại Bản đánh giá thủ tục hành chính có nêu dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung thủ tục gồm: Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện) và kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử, cấp xác nhận thông tin về căn cước công dân. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật không quy định về nội dung này.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

- Khoản 4 Điều 23 dự thảo Luật đã quy định rõ việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước công dân có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác. Quy định này không tác động đến việc sử dụng các loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp cho người dân hiện nay. Do vậy, đề nghị giữ nguyên Điều 23 như dự thảo Luật.

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung vào dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục sử dụng thẻ căn cước công dân bị tạm giữ tại Điều 30 dự thảo Luật.

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung vào Điều 39 dự thảo Luật quy định theo hướng không thu phí đối với trường hợp cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam.

VII. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm thi hành Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị bổ sung vào Tờ trình nội dung đánh giá về nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm thi hành Luật để có đủ cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Bộ Công an đã có đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm thi hành Luật trong Tờ trình số 36/TTr-BCA ngày 13/01/2023 về đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi) và nội dung này đã được Chính phủ thông qua, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí tại phiên họp tháng 03/2023. Do vậy, đề nghị không bổ sung vào Tờ trình dự án Luật để phù hợp với Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

VIII. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Hồ sơ trình dự án Luật chưa có dự thảo các văn bản quy định chi tiết Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các văn bản quy định chi tiết trong hồ sơ trình Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau: Bộ Công an đã soạn thảo đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật (Nghị định, Thông tư) và bảo đảm đầy đủ hồ sơ trình Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IX. Về một số quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 37 dự thảo Luật

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

(1) Đề nghị chỉnh lý điểm a khoản 1 Điều 5 theo hướng được bảo đảm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 21 Hiến pháp và Điều 38 Bộ luật Dân sự.

(2) Khoản 21 Điều 10 dự thảo Luật quy định về họ, chữ đệm và tên của các thành viên hộ gia đình; tuy nhiên, hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về thành viên hộ gia đình như: Khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau...; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 lại quy định Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình...; khoản 1 Điều 10 Luật Cư trú cũng quy định những người cùng ở tại một chỗ ở hợp pháp và có quan hệ gia đình là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột thì có thể đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú theo hộ gia đình... Do đó, đề nghị quy định rõ các tiêu chí để xác định thành viên hộ gia đình tại dự thảo Luật.

(3) Bỏ quy định tại Điều 37 dự thảo Luật vì đây là lực lượng của các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

(1) Tại Điều 5, Điều 6 dự thảo Luật đã quy định rõ quyền của người dân và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

(2) Việc xác định hộ gia đình, thành viên hộ gia đình trong Luật này được thực hiện theo quy định của Luật Cư trú.

(3) Quy định tại Điều 37 dự thảo Luật được kế thừa theo Luật Căn cước công dân năm 2014; qua triển khai thi hành không thấy có khó khăn, vướng mắc gì nên đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

X. Về việc bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 10, 16), tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân (Điều 23)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Việc tích hợp thông tin, bổ sung thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước là không cần thiết nên trực tiếp thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu theo các quy định đã có. Quy định này cũng gây ra lo ngại về nguy cơ lộ, lọt thông tin cá nhân của người dân.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Việc bổ sung thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước là chính sách đã được Chính phủ thống nhất thông qua nên đề nghị giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật.

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Do vậy, việc bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước tại dự thảo Luật là cần thiết. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước sẽ tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không

phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Việc quy định bổ sung một số nhóm thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước là tương đồng với quy định pháp luật của nhiều nước trên thế giới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở nước ta. Việc thu thập thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói chỉ áp dụng đối với một số người có tiền án, tiền sự phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật (quy định này tương đồng với quy định của nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, Singapore, Hàn Quốc...); những thông tin này do các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc...) thu thập trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật (theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành để giải quyết vụ án, vụ việc) và được chuyển cho cơ quan quản lý căn cước để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước. Do vậy, không làm phát sinh thêm chi phí cho nhà nước mà ngược lại các thông tin sinh trắc học đã được trung cầu, giám định, thu thập sẽ tiếp tục được chuyển lưu trữ, bảo quản và khai thác, sử dụng hiệu quả.

Về thông tin sinh trắc học, hiện nay nhiều nước trên thế giới đã thu thập thông tin sinh trắc học khác của người dân (ngoài ảnh khuôn mặt và vân tay) như là đối với thông tin về ADN: Trung Quốc đã thu được 68 triệu người dân, Mỹ đã thu được 16 triệu người dân, Anh đã thu được 4,7 triệu người dân, Pháp đã thu được 3,7 triệu người dân, Singapore đã thu được 250 nghìn người dân, Hàn Quốc đã thu được 197 nghìn người dân...

Về bảo mật cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thiết kế, xây dựng đáp ứng cấp độ 4 về mức độ bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Do vậy, hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn trong khi lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin.

Về nguyên tắc thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 11): Thông tin của người dân được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ tàng thư do lực lượng Công an nhân dân quản lý và Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về dân cư.

Trường hợp thông tin chưa có hoặc chưa đầy đủ thì được thu thập, cập nhật từ người dân. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan và người dân để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin do người dân cung cấp trước khi thu thập, cập nhật để bảo đảm tính chính xác,

thống nhất (Nội dung quy trình cập nhật giao Chính phủ quy định chi tiết). Tuy nhiên, Bộ Công an dự kiến đề xuất quy định theo hướng chỉ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi đã kiểm tra, xác minh rõ ràng và đã cập nhật, chỉnh sửa trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các bộ, ngành chủ quản quản lý, sau đó mới cập nhật, chia sẻ lại vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thông tin về hộ tịch của người dân sẽ được cập nhật, cải chính trước trong cơ sở dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp, sau đó, chia sẻ để cập nhật lại vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Chính phủ).

Về lợi ích đạt được: Hiện nay, Bộ Công an đang cung cấp nhiều dịch vụ khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho các bộ, ngành, địa phương như: (1) Dịch vụ xác thực thông tin người dân; (2) Dịch vụ xác thực thông tin hộ gia đình; (3) Dịch vụ tra cứu thông tin người dân; (4) Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (5) Dịch vụ gợi ý số định danh không yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (6) Dịch vụ xác nhận số định danh cá nhân và số chứng minh nhân dân... Các dịch vụ này trong thời gian qua đã được triển khai rất hiệu quả, đem lại nhiều thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, nổi bật nhất việc kết nối, chia sẻ thông tin với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục Thuế Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thành phố Hà Nội; UBND thành phố Hồ Chí Minh... Đến nay, tổng số các yêu cầu tích hợp, xác thực, tra cứu thông tin do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã xử lý cho các bộ ngành, địa phương là hơn 400 triệu yêu cầu.

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ giúp tạo dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương sử dụng; tạo dựng cơ sở dữ liệu ban đầu chính xác, không phải tốn chi phí thu thập, làm sạch ban đầu. Các bộ, ngành, địa phương tiết kiệm được chi phí thu thập, làm sạch dữ liệu về dân cư khi có thể khai thác, sử dụng thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đối với cá nhân sẽ không phải kê khai nhiều lần, làm việc với nhiều cơ quan nhà nước khác nhau để cung cấp thông tin cá nhân; thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng thông tin mình đã cung cấp vì dữ liệu này đã có tập trung ở Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

XI. Về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân (Điều 23)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị đánh giá, xác định điều kiện, phạm vi thông tin lưu trữ, tích hợp vào thẻ căn cước công dân tại dự thảo Luật mà không giao Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với loại giấy tờ khác; đồng thời quy định bảo đảm an ninh, an toàn, tránh lộ, lọt thông tin của người dân được tích hợp trên thẻ căn cước công dân.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Việc sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip đã được tích hợp thêm thông tin khác là một phương thức mới, ngoài phương thức hiện hành là sử dụng

các giấy tờ hiện có do cơ quan có thẩm quyền cấp cho người dân nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch khác. Quy định này không xung đột với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các giấy tờ nêu trên; không ảnh hưởng đến chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương với các loại giấy tờ, dữ liệu đang quản lý (không tác động đến việc quản lý dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp, việc cấp giấy khai sinh, Bộ Tư pháp vẫn xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch như hiện nay, vẫn quản lý về hộ tịch, giấy khai sinh).

Việc tiếp tục cấp hoặc không cấp bản giấy các giấy tờ chứa thông tin đã được tích hợp vào thẻ căn cước công dân do cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định. Trong trường hợp thẻ Căn cước công dân được sử dụng thay thế hoàn toàn cho việc sản xuất, cấp các loại giấy tờ khác thì sẽ được điều chỉnh, quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan (Dự thảo Luật không quy định việc loại bỏ bất cứ loại giấy tờ cụ thể nào do bộ, ngành, địa phương đang cấp cho người dân. Trường hợp bộ, ngành nào thấy không cần thiết phải cấp bản giấy các loại giấy tờ đang cấp thì sẽ đề xuất sửa đổi, quy định trong văn bản quy phạm pháp luật tương ứng).

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã bổ sung quy định rõ việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân tại Điều 23 dự thảo Luật; việc tích hợp một số thông tin ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước vào thẻ căn cước công dân là để cụ thể hoá nhiệm vụ tại Đề án số 06, nhằm phục vụ mục tiêu đơn giản hoá giấy tờ, thủ tục cho người dân, hướng tới mục tiêu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, công dân số.

Đồng thời, dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết việc tích hợp thông tin; theo đó, việc tích hợp thông tin sẽ được hướng dẫn thực hiện cụ thể theo hướng như sau:

- Bộ Công an chỉ tích hợp thông tin khi xác thực được thông tin đó trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do bộ, ngành, địa phương chủ quản thông tin đó quản lý (thông tin do người dân cung cấp mà không có, không trùng khớp với thông tin trong cơ sở dữ liệu do bộ, ngành, địa phương chủ quản quản lý thì không tích hợp).

Trường hợp việc tích hợp thông tin theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về loại giấy tờ đó thì Bộ Công an sẽ lấy ý kiến đồng ý của người dân khi thực hiện việc tích hợp (như xác nhận trên ứng dụng VNeID, xác nhận khi thực hiện thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân).

- Về giải pháp kỹ thuật để bảo đảm khai thác thuận lợi, bảo mật: Thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và lưu trữ trong thẻ Căn cước công dân là thông tin cần bảo vệ. Theo đó, Luật Căn cước công dân đã xác định rõ nguyên tắc quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước là bảo đảm quyền con người

và quyền công dân, chặt chẽ và an toàn. Đồng thời, trong triển khai thực tế, Bộ Công an luôn có các thiết bị chuyên dụng để bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong khai thác dữ liệu từ thẻ căn cước công dân có gắn chip.

- Việc khai thác thông tin trong thẻ căn cước công dân được bảo đảm đủ các điều kiện kỹ thuật sau:

Chỉ có cơ quan, tổ chức được phép khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sử dụng thiết bị chuyên dụng do Bộ Công an kiểm tra, đánh giá, bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật mới có thể khai thác được thông tin tích hợp trong thẻ căn cước công dân (việc sử dụng phải bằng phần mềm chuyên dụng, được mã hóa bảo mật, quản lý thiết bị theo mã riêng, truy nguyên được chủ thẻ được trang bị thiết bị).

Việc khai thác thông tin trong thẻ căn cước công dân được phân cấp, phân quyền cụ thể, bảo đảm đối tượng khai thác chỉ được phép khai thác khi thực hiện trong chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trường hợp người dân bị mất thẻ căn cước công dân, người sử dụng thẻ căn cước công dân không thể khai thác được thông tin tích hợp trong chip khi không có người dân đó xác nhận trên thiết bị chuyên dụng hoặc ứng dụng VNeID.

Người bị mất thẻ căn cước công dân thì thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin tích hợp qua căn cước công dân điện tử (ứng dụng VNeID).

- Về cách thức tích hợp:

Nạp thông tin tích hợp vào chip, mã QR code trên thẻ căn cước công dân khi thực hiện thủ tục cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân (không tốn chi phí việc tích hợp, người dân chỉ thanh toán phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân theo quy định hiện hành như việc cấp thẻ căn cước công dân mà không tích hợp thông tin).

Nạp thông tin tích hợp vào căn cước công dân điện tử (tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID) – Thực hiện trực tuyến, không tốn chi phí.

XII. Về cách thức, trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin và quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 11, 12, 13, 17)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật quy định chi tiết về quy trình, nguyên tắc kết nối, cách thức thực hiện khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; không giao Chính phủ quy định nội dung này để tránh xung đột với nhiều đạo luật.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã bổ sung, hoàn thiện nhiều quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước, cụ thể là:

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về thu thập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 11).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Điều 12).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 17).

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, chia sẻ, cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 18).

Bên cạnh đó, đối với một số nội dung cụ thể khác liên quan đến thủ tục hành chính, quy trình kỹ thuật trong kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì dự thảo Luật giao Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết là phù hợp, bảo đảm tính ổn định của Luật. Qua rà soát, Bộ Công an thấy các quy định nêu trên không mâu thuẫn với các luật chuyên ngành có liên quan. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

XIII. Về đối tượng cấp thẻ căn cước công dân (Điều 20)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị cân nhắc về việc bổ sung quy định cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Chính sách về cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi đã được Chính phủ thống nhất thông qua trong đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi). Theo đó, tại dự thảo Luật đã bổ sung và quy định rõ việc cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi là không bắt buộc và thực hiện theo nhu cầu của người dân.

Việc bổ sung quy định này là bảo đảm tính khả thi khi hiện nay đã có sự thay đổi về công nghệ thu nhận sinh trắc học của con người như đối với vân tay thì sử dụng bộ thu nhận vân tay điện tử thay thế cho sử dụng mực lăn tay, chỉ bản nên có thể thực hiện thu nhận được vân tay của người từ đủ 05 tuổi trở lên vẫn bảo đảm yêu cầu về đối sánh dữ liệu sinh trắc học và yêu cầu quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, việc cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi cũng phù hợp với quy định pháp luật về xuất nhập cảnh (hiện nay vẫn đang thực hiện cấp hộ chiếu, thị thực cho trẻ em mới khai sinh, có chụp ảnh khuôn mặt) và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với pháp luật của nhiều nước trên thế giới quy định về việc cấp thẻ căn cước cho cả người dưới 14 tuổi như: Algeria, Argentina, Bỉ, Bhutan, Brunei, Chile, Colombia, Síp, Equatorial Guinea, Đức, Guatemala, Kuwait, Malaysia, Monaco, Bồ Đào Nha, Rwanda, Syria, Thái Lan... góp phần giảm thiểu được giấy tờ, thủ tục hành chính, phát huy được giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia

về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và tiện ích của thẻ căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư; giảm chi phí trong thực hiện công tác chuyển đổi số; bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho người dân tham gia được các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống.

Thẻ căn cước công dân cấp cho người dưới 14 tuổi không thay thế cho việc cấp giấy khai sinh. Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn thực hiện cấp giấy khai sinh cho người dân theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc sử dụng giấy khai sinh với kích thước của tờ A4, dễ rách nát, hư hỏng, khó bảo quản và chỉ được cấp một lần trong suốt cuộc đời; giấy này chỉ có các biện pháp bảo mật, chống làm giả sơ sài, lạc hậu, dễ bị làm giả và chứa được rất ít thông tin của người dân nên sẽ gây rất nhiều khó khăn, bất tiện cho người dân. Trong khi đó, thẻ căn cước công dân với kích thước nhỏ gọn, chất liệu tốt, tính bảo mật, bảo an cao và còn có thể được tích hợp thêm rất nhiều thông tin khác theo nhu cầu của người dân sẽ mang lại nhiều tiện ích cho người dân trong việc đi lại (như đi máy bay, tàu hỏa...), học tập, khám chữa bệnh (như không cần phải mang theo thẻ Bảo hiểm y tế, Sổ tiêm chủng...) và thực hiện các giao dịch khác trong đời sống hàng ngày.

Về trình tự, thủ tục thực hiện cấp:

- Đối với người dưới 06 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước công dân trực tuyến trên cổng dịch vụ công.

- Trường hợp người từ đủ 06 tuổi trở lên thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải đưa người dân đó đến cơ quan quản lý căn cước để thu nhận đặc điểm nhân dạng và thông tin sinh trắc học như người từ đủ 14 tuổi trở lên khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước công dân.

- Về chi phí, hiệu quả kinh tế đem lại:

Xã hội không tốn chi phí trong cấp sổ tiêm chủng (10.000đ/sổ), sổ khám chữa bệnh (10.000đ/sổ/01 cơ sở y tế; trung bình 01 trẻ khám từ 02-03 cơ sở y tế), thẻ bảo hiểm y tế (5.000đ/thẻ/01 năm), thẻ học sinh (5.000đ/thẻ/01 năm học/người), chi phí ... (với số người dưới 14 tuổi là 19 triệu người thì ước tính số tiền mà nhà nước và xã hội phải chi là khoảng 2000 tỷ chỉ với một số ít giấy tờ liệt kê nêu trên).

Tiết kiệm chi phí sao y, chứng thực, công chứng giấy tờ (từ 2.000đ-10.000đ/trang).

XIV. Về thông tin trên thẻ căn cước công dân (Điều 19)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Điểm 1 khoản 1 Điều 19 quy định một trong những thông tin trên thẻ căn cước công dân là nơi cư trú; tuy nhiên, Điều 25 không quy định cấp đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về nơi cư trú. Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Cư trú thì “nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú” (khoản

1 Điều 11). Trong khi đó, thông tin về nơi cư trú là thông tin có thể thường xuyên thay đổi. Do đó, đề nghị cân nhắc chỉ thể hiện các thông tin mang tính chất ổn định thể hiện trên thẻ căn cước công dân để tránh người dân phải thực hiện thủ tục cấp đổi mỗi lần thay đổi thông tin.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Dự thảo Luật chính lý thông tin “nơi thường trú” in trên thẻ căn cước công dân thành “nơi cư trú” để phù hợp với thực tiễn vì nhiều người hiện nay chỉ có nơi tạm trú, nơi ở hiện tại hoặc không có nơi thường trú, nơi tạm trú. Với quy định này thì với tất cả người dân Việt Nam đều sẽ đủ điều kiện để được cấp thẻ căn cước công dân; đều được bảo đảm quyền lợi khi có được giấy tờ tùy thân để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự theo nhu cầu. Bên cạnh đó, theo quy định của Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì thẻ căn cước công dân là giấy tờ quan trọng để chứng minh nơi cư trú của người dân; do vậy, đề nghị giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật. Trường hợp người dân đổi nơi cư trú thì có quyền cấp đổi lại thẻ căn cước công dân theo nhu cầu; trường hợp người dân không cấp đổi lại thẻ căn cước công dân thì thông tin nơi cư trú (mới) sẽ được cập nhật vào căn cước công dân điện tử.

XV. Về các trường hợp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân (Điều 25)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Khoản 2 Điều 26 quy định thủ tục cấp đổi thẻ căn cước công dân tương tự như thủ tục cấp mới thẻ căn cước công dân, bên cạnh đó, Điều 25 quy định các trường hợp cấp đổi thẻ như thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh (điểm c khoản 1); có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân (điểm đ khoản 1); thu hồi số định danh cá nhân (điểm e khoản 1)... Bộ Tư pháp nhận thấy, các trường hợp thay đổi thông tin này đã được cập nhật, kết nối, chia sẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc đối với trường hợp thay đổi thông tin trên thẻ căn cước công dân đã được cập nhật, kết nối, chia sẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì chỉ cần thực hiện thủ tục cấp lại.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Tại khoản 1 Điều 26 dự thảo Luật quy định việc cấp lại thẻ căn cước công dân được thực hiện trên nguyên tắc “Cơ quan quản lý căn cước sử dụng thông tin đã cấp thẻ căn cước công dân lần gần nhất để cấp lại thẻ căn cước công dân” do vậy trường hợp thông tin của người dân đã thay đổi và cập nhật trong cơ sở dữ liệu có liên quan thì người dân phải đến cơ quan quản lý căn cước để thực hiện cấp đổi thẻ căn cước công dân để xác nhận, kiểm tra chính xác thông tin của mình (ký tờ khai đề nghị cấp đổi) và được thu nhận lại thông tin sinh trắc học (ảnh khuôn mặt) cho phù hợp với thời điểm cấp đổi.

XVI. Về trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân (Điều 24, 26)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

(1) Khoản 1 Điều 24 quy định trình tự, thủ tục cấp thẻ căn cước công dân đối với người dưới 14 tuổi. Tuy nhiên, do người dưới 14 tuổi cấp theo yêu cầu, đồng thời, đối tượng này cũng không thể tự mình yêu cầu cấp thẻ căn cước công dân mà cần phải thực hiện thông qua cha, mẹ hoặc người đại diện. Do đó, đề nghị chỉ quy định trình tự, thủ tục đối với cấp, đổi, cấp lại đối với người từ 14 tuổi trở lên; đối với người dưới 14 tuổi cấp theo yêu cầu thì có quy định xử lý riêng và có các yêu cầu/điều kiện cấp cho người dưới 14 tuổi theo yêu cầu khác với quy trình thông thường. Ngoài ra, dự thảo Luật cũng chưa quy định chặt chẽ về trách nhiệm, việc sử dụng thẻ... đối với người dưới 14 tuổi.

(2) Quy trình cấp thẻ căn cước công dân tại Điều 24 dự thảo Luật cơ bản được giữ như Luật Căn cước công dân năm 2014. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc quản lý đối với người dân được thực hiện bằng phương thức điện tử. Theo đó, các thông tin được thể hiện trên thẻ căn cước công dân đã được thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ hoặc tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cập nhật, quản lý.... Do đó, đề nghị nghiên cứu thay đổi phương thức quản lý, cấp đổi... thẻ căn cước công dân theo hướng đơn giản, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc xây dựng Chính phủ điện tử.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

(1) Tại Điều 24 dự thảo Luật đã quy định rõ trình tự, thủ tục cấp thẻ căn cước công dân đối với người dưới 14 tuổi và người từ đủ 14 tuổi trở lên. Việc quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân đối của người dưới 14 tuổi do người dân đó và cha, mẹ hoặc người giám hộ quyết định không cần thiết phải quy định cụ thể tại dự thảo Luật này để bảo đảm quyền tự chủ của người dân.

(2) So với Luật Căn cước công dân năm 2014 thì quy trình, thủ tục cấp thẻ căn cước công dân tại dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng rút gọn, hiện đại hơn, như việc thực hiện tự động trích xuất thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, khi đến làm thủ tục người dân chỉ việc kiểm tra lại tờ khai đã được trích xuất, in sẵn và ký xác nhận, người dân không phải tự kê khai. Bên cạnh đó, việc thu nhận vân tay của người dân cũng được thực hiện bằng thiết bị điện tử, không phải lăn tay bằng mực nên bảo đảm việc thu nhận được nhanh chóng, chính xác, thuận lợi hơn, việc cấp lại thẻ căn cước công dân được thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công....

XVII. Về giá trị sử dụng của thẻ căn cước công dân (Điều 21)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Khoản 3 Điều 21 quy định *khi công dân xuất trình thẻ căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ*

hoặc cung cấp thông tin đã được in, tích hợp vào thẻ căn cước công dân. Khoản 4 Điều 23 quy định việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước công dân có giá trị tương đương như việc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác. Việc quy định nội dung tại khoản 3 Điều 21, khoản 4 Điều 23 sẽ không bảo đảm được tính ổn định của hệ thống pháp luật (phải sửa đổi nhiều văn bản ở tầm luật như: Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, ...). Hơn nữa, việc sử dụng thông tin tích hợp từ thẻ Căn cước công dân không thể thay thế hoàn toàn cho các giấy tờ khác đang được sử dụng hiệu quả trong đời sống xã hội (ví dụ như Giấy khai sinh, Giấy Chứng nhận kết hôn, thẻ tín dụng, ATM ...).

Bên cạnh đó, việc xác định việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước công dân có giá trị tương đương như việc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác là cần cân nhắc thêm về tính khả thi, hiệu quả. Đặc biệt cần tính đến hậu quả pháp lý phát sinh trong các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại do sử dụng các thông tin trong thẻ căn cước công dân.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Như đã giải trình tại Mục XI nêu trên, việc sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip đã được tích hợp thêm thông tin khác là một phương thức mới, ngoài phương thức hiện hành là sử dụng các giấy tờ hiện có do cơ quan có thẩm quyền cấp cho người dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch khác. Quy định này không xung đột với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các giấy tờ nêu trên; không ảnh hưởng đến chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương với các loại giấy tờ, dữ liệu đang quản lý (không tác động đến việc quản lý dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp, việc cấp giấy khai sinh, Bộ Tư pháp vẫn xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch như hiện nay, vẫn quản lý về hộ tịch, giấy khai sinh).

Việc tiếp tục cấp hoặc không cấp bản giấy các giấy tờ chứa thông tin đã được tích hợp vào thẻ căn cước công dân do cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định. Trong trường hợp thẻ căn cước công dân được sử dụng thay thế hoàn toàn cho việc sản xuất, cấp các loại giấy tờ khác thì sẽ được điều chỉnh, quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan (Dự thảo Luật không quy định việc loại bỏ bất cứ loại giấy tờ cụ thể nào do bộ, ngành, địa phương đang cấp cho người dân. Trường hợp bộ, ngành nào thấy không cần thiết phải cấp bản giấy các loại giấy tờ đang cấp thì sẽ đề xuất sửa đổi, quy định trong văn bản quy phạm pháp luật tương ứng).

XVIII. Về quyền khai thác thông tin trong thẻ căn cước công dân (Điều 23)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Điểm a, b khoản 2 Điều 23 quy định *sử dụng thiết bị chuyên dụng để khai thác thông tin tích hợp trong bộ phận lưu trữ được mã hóa của thẻ căn cước*

công dân; sử dụng thông tin trên thẻ căn cước công dân để truy xuất, khai thác thông tin tích hợp qua thiết bị chuyên dụng được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống định danh và xác thực điện tử và khoản 6 Điều 23 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Tuy nhiên, việc khai thác thông tin tích hợp trên thẻ căn cước công dân là liên quan đến quyền con người, quyền công dân được quy định tại Điều 21 Hiến pháp, vì vậy, phải quy định thẩm quyền khai thác đối với từng loại thông tin; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc khai thác thông tin (chỉ khai thác thông tin phục vụ việc công tác của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà không phải là tất cả các thông tin tích hợp trong thẻ căn cước công dân) để bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của người dân; trình tự, thủ tục hoặc cách thức thực hiện việc khai thác...

2. Về vấn đề này, Bộ Công an đã có giải trình tại Mục XI nêu trên.

XIX. Về căn cước công dân điện tử (Điều 31)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Khoản 1 Điều 31 quy định căn cước công dân điện tử là tài khoản định danh điện tử, chứa thông tin được in trên thẻ căn cước công dân, thông tin được tích hợp vào thẻ căn cước công dân và thông tin khác của công dân trong hệ thống định danh và xác thực điện tử. Căn cước công dân điện tử chỉ nên là phương thức thực hiện từ quản lý hành chính sang quản lý bằng phương thức điện tử. Do đó, đề nghị cân nhắc không xác định tài khoản định danh điện tử là căn cước công dân điện tử.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã bổ sung quy định về căn cước công dân điện tử; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử; sử dụng căn cước công dân điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự trên môi trường điện tử. Đây là các quy định mới được luật hóa từ quy định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử; bổ sung và nâng cao giá trị pháp lý của tài khoản định danh điện tử (khẳng định đây chính là căn cước công dân điện tử).

Thông tin căn cước công dân là thông tin dùng để tạo lập lên tài khoản định danh điện tử (căn cước công dân điện tử); do vậy, việc quy định về căn cước công dân điện tử tại Luật này là phù hợp. Chính phủ cũng đã thống nhất thông qua chính sách 04 bổ sung quy định về căn cước công dân điện tử (tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam) trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

XX. Về ý nghĩa, tác động của quy định về số định danh cá nhân, đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với người dân trong bối cảnh hiện nay

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Khoản 1 Điều 13 quy định số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kết nối, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin của

công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu, Trung tâm dữ liệu quốc gia... Tuy nhiên, Điều 19 cũng quy định về thẻ căn cước công dân (thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu căn cước tại Chương II, III) và Điều 31 quy định về căn cước công dân điện tử (là tài khoản định danh điện tử).

Như vậy, theo quy định của dự thảo Luật thì một cá nhân được quản lý thông qua nhiều phương thức và cùng do một cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện thông qua nhiều cơ sở dữ liệu và hình thức khác nhau. Trong khi đó, các cơ sở dữ liệu đã được thực hiện kết nối, chia sẻ, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Quy định như dự thảo Luật cũng chưa đảm bảo việc quản lý, khai thác dữ liệu thông qua việc kết nối, tích hợp thông tin giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu trong bối cảnh hiện nay về đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với người dân. Đồng thời, quy định này cũng có thể dẫn đến trùng lặp, chồng lấn về mục tiêu và nguồn lực quản lý Nhà nước đối với người dân. Do đó, đề nghị đánh giá thêm để có hướng quy định khả thi, giảm bớt phương thức quản lý và thuận lợi cho người dân, đồng thời tiết kiệm ngân sách nhà nước.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Việc đánh giá về thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các quy định của Luật Căn cước công dân (sửa đổi) đã được Bộ Công an đánh giá tác động rõ ràng trong Báo cáo đánh giá tác động kèm theo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi). Theo quy định của dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) thì thông tin người dân được quản lý thông qua nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Thông qua 02 cơ sở dữ liệu này thì cơ quan quản lý căn cước tiến hành cấp thẻ căn cước công dân (thẻ vật lý) và cấp căn cước công dân điện tử cho người dân. Việc quản lý theo phương thức hiện đại nêu trên là xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới, là yêu cầu mang tính cốt lõi trong xây dựng Chính phủ số, thực hiện chuyển đổi số trên thế giới hiện nay. Đây là mục tiêu mà Đề án 06 đã xác định nhằm đem lại hiệu quả trong quản lý nhà nước, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước và cắt giảm, giấy tờ, thủ tục hành chính cho người dân.

XXI. Về Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Dự thảo Luật quy định một số nội dung liên quan đến việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, tài khoản định danh điện tử và Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đề nghị cân nhắc việc quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia trong dự thảo Luật, vì hiện nay, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an đang xây dựng Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia và dự kiến trình Chính phủ cho ý kiến trong tháng 4/2023. Tại Đề án, Trung tâm dữ liệu quốc gia được xác định là cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an, nên không thuộc thẩm quyền điều chỉnh của

Quốc hội, hơn nữa, hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia là đề án quan trọng mà Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp cùng với các bộ, ngành, địa phương có liên quan đề xuất. Hiện nay, Bộ Công an đã có nghiên cứu bước đầu về việc xây dựng Đề án này; trong đó, đã xác định rõ vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do nhà nước xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành; đề tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước để hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia. Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, đảm bảo quốc phòng an ninh. Đồng thời cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Do vậy, để bảo đảm đồng bộ với định hướng xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia nêu trên, tại dự thảo Luật, Bộ Công an đã bổ sung quy định một số nội dung liên quan đến yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và mối quan hệ trong kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm dữ liệu quốc gia cho thống nhất.

XXII. Về ủy quyền lập pháp

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Dự thảo Luật giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số nội dung, tuy nhiên một số nội dung giao quy định chi tiết liên quan đến quyền con người, quyền công dân mà theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp cần phải được quy định tại luật, ví dụ như: Quy định chi tiết việc thu thập, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (khoản 6 Điều 11); các phương thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (điểm g khoản 3 Điều 11); quy định chi tiết việc cấp số định danh của người gốc Việt Nam, cấp giấy chứng nhận căn cước, thu thập, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin về người gốc Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và việc quản lý người gốc Việt Nam (khoản 4 Điều 7); khai thác thông tin tích hợp vào thẻ căn cước công dân (khoản 6 Điều 23)... Bên cạnh đó, mục IV.3 Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định nhiệm vụ trong xây dựng pháp luật là phải luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Tăng cường xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp. Do đó, đề nghị nghiên cứu quy định ngay tại dự thảo Luật đối với các nội dung này.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã quy định các nguyên tắc chung, mang tính khái quát về việc thu thập, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quản lý đối với người gốc Việt Nam, cấp thẻ căn cước công dân. Tuy nhiên, cũng đã quy định chi tiết nhiều nội dung liên quan đến kết nối, chia sẻ thông tin trong cơ sở dữ liệu, trình tự, thủ tục cấp thẻ căn cước công dân. Đối với một số nội dung cụ thể khác theo ý kiến Bộ Tư pháp nêu trên chủ yếu là các nội dung liên quan đến quy trình kỹ thuật, trình tự, thủ tục trong kết nối, chia sẻ thông tin... các nội dung này nên giao Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thì phù hợp hơn, bảo đảm cập nhật kịp thời với tiến bộ khoa học trong thực tiễn, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Luật.

XXIII. Về quy định chuyển tiếp (Điều 46)

1. Ý kiến của Bộ Tư pháp:

Dự thảo Luật quy định nhiều vấn đề mới nhưng chưa quy định thực hiện và điều khoản chuyển tiếp, ví dụ như: Cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam; quy định về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân; quy định bổ sung thông tin về diện chính sách; cấp thẻ căn cước công dân cho người dưới 14 tuổi... Do đó, đề nghị bổ sung lộ trình thực hiện để đảm bảo thời gian cho các cơ quan quản lý nhà nước chuẩn bị các điều kiện để tổ chức triển khai thực hiện và rà soát sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, do khoản 1 Điều 19 thay đổi một số thông tin thể hiện trên thẻ căn cước công dân so với Luật Căn cước công dân năm 2014 như: Bổ sung thông tin về “nơi đăng ký khai sinh”; chuyển thông tin “nơi thường trú” thành “nơi cư trú”; đổi nội dung “họ, tên gọi khác” thành “họ, chữ đệm và tên khai sinh”, bỏ thông tin về “đặc điểm nhân dạng” và “vân tay”... Vì vậy, để tránh người dân phải thực hiện thủ tục thay đổi thẻ căn cước công dân, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định “thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng”.

2. Về vấn đề này, Bộ Công an tiếp thu, giải trình như sau:

Đến ngày 01/7/2024 khi Luật này có hiệu lực thì Bộ Công an hoàn toàn bảo đảm các yêu cầu để thực hiện việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước công dân; đối với các bộ, ngành, địa phương có thông tin chuyên ngành được tích hợp vào thẻ căn cước công dân thì về cơ bản sẽ được triển khai, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Từ nay đến thời điểm nêu trên, Bộ Công an sẽ kiến nghị Chính phủ có chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh quá trình số hóa, chuẩn hóa số liệu, nâng cấp, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin để phục vụ việc tích hợp thông tin và triển khai thực hiện các chính sách mới được quy định tại dự thảo Luật; bảo đảm phù hợp với tiến độ thực hiện Đề án 06.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung vào dự thảo Luật quy định chuyển tiếp về việc thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng cho đầy đủ.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về Hồ sơ dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Bộ Công an kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- C06;
- Lưu: VT, V03 (P3).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Tô Lâm